TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST
Ngày: 07-4-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Thùy Hương;
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Việt Thành;
Bà Trần Thị Thu;
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Thạch Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1954

Địa chỉ: Số 18/15 khu vực 6, đường Bùi Hữu Nghĩa, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1950

Địa chỉ: phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thanh Ngọc B, sinh năm 1970; Địa chỉ: phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn trình bày:

Do quen biết từ trước nên vào ngày 19/10/2007 bà A có vay của ông H 10 chỉ vàng 9999, giá vàng thời điểm đó là 14.850.000 đồng, tính lãi 7%/tháng, mỗi

tháng bà A đóng tiền lãi 1.039.000 đồng, hứa 01 năm sau trả lại vốn. Đến năm 2008 là đúng hẹn ông H nhiều lần đòi nợ bà A nhưng bà A không chịu trả.

Đối với giấy trả nợ hàng tháng do bị đơn cung cấp, ông H trình bày như sau: Từ ngày 30/7/2009 đến ngày 06/9/2010 theo giấy trả nợ là chữ viết của ông H. Ông H cho bà A trả dần gốc và lãi tổng cộng 13.900.000 đồng, trong đó mỗi tháng tiền lãi là 1.039.000 đồng, còn lại tiền gốc. Cụ thể:

Ngày 30/7/2009, tiền gốc 861.000 đồng, tiền lãi 1.039.000 đồng;

Ngày 30/8/2009 tiền gốc 761.000 đồng, tiền lãi 1.039.000 đồng;

Ngày 30/9/2009 tiền gốc 261.000 đồng, tiền lãi 1.039.000 đồng;

Các ngày 30/10/2009, 30/11/2009, 30/12/2009 tiền gốc mỗi tháng 461.000, tiền lãi 1.039.000 đồng;

Các ngày 28/02/2010, 06/5/2010, 10/6/2010, 09/7/2010, 06/8/2010, 06/9/2010: bị đơn trả tiền lãi.

Tổng cộng tiền gốc trả được 3.266.000 đồng, tiền lãi 10.634.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà A trả 10 chỉ vàng 9999, trị giá 69.700.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H yêu cầu bà A trả 10 chỉ vàng 9999 theo giá trị hiện tại. Ông H đồng ý trừ số tiền gốc đã trả và tiền lãi vượt quá quy định cho bà A.

Tại phiên tòa: Ông H xác định từ tháng 10/2007 đến tháng 6/2009 có nA tiền lãi của bà A với lãi suất 7%/tháng với số tiền là 14.850.000 đồng X 20 tháng X 7%/tháng = 20.780.000 đồng. NA tiền lãi từ tháng 7/2009 đến tháng 9/2010 với lãi suất 7%/tháng với số tiền 10.634.000 đồng, tổng tiền lãi đã nA là 31.414.000 đồng. Ông H đã nA từ bà A tiền gốc 3.266.000 đồng.

Ông H yêu cầu bà A trả 10 chỉ vàng 9999 theo giá thời điểm xét xử là 67.050.000 đồng. Ông H đồng ý trừ vào tiền gốc 3.266.000 đồng và tiền lãi vượt quá quy định mà bà A đã trả.

2. Bị đơn trình bày:

Ngày 19/10/2007 con gái bà A là bà B có mượn của ông H 01 cây vàng 24K, trị giá 14.850.000 đồng, đóng lãi 7%/tháng, đóng được 02 năm. Bà A ký tên đứng ra bảo lãnh cho bà B. Sau đó ông H cho bà B trả dần tiền gốc từ ngày 30/7/2009 đến ngày 06/9/2010 theo giấy trả nợ đã cung cấp cho Tòa án, bà B trả được 13.900.000 đồng. Lần cuối trả thêm 1.200.000 đồng không có giấy tờ. Bà B đã trả nợ xong cho ông H nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại phiên tòa: bà A cho rằng bà chỉ ký nA bảo lãnh cho bà B mượn vàng của ông H, bà không có nợ ông H nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà B có mượn ông H 01 cây vàng 24K đúng như bà A trình bày. Bà A là mẹ của bà B đứng ra bảo lãnh cho bà B mượn. Bà B đã đóng lãi 02 năm với lãi suất 7%/tháng. Sau đó ông H đồng ý cho bà B đóng tiền gốc trả dần theo giấy trả nợ cung cấp cho Tòa án như lời trình bày của bà A. Bà đã trả nợ xong cho ông H, không còn nợ nữa.

Tại phiên tòa: Bà B cho rằng đã trả nợ hết cho ông H nên cũng không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nA yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NA ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nA định:

[1] Về tố tụng:

Theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì bị đơn có ký giấy mượn vàng của nguyên đơn và có trả lãi theo thỏa thuận. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả vàng theo giá trị hiện tại, không tính lãi suất. NA thấy thực chất đây là thỏa thuận vay tài sản có trả lãi nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ tại 138/4 khu vực Bình Yên A, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông H yêu cầu bà A trả nợ, tuy nhiên bà A và bà B cho rằng người vay là bà B, bà A chỉ đứng ra bảo lãnh. Xét biên nA ngày 19/10/2007 thì bà A là người ký nA không phải bà B nên ông H kiện bà A trả nợ là phù hợp. Đối với việc bảo lãnh giữa bà A, bà B thì các bên có thể tự thỏa thuận với nhau hoặc có thể khởi kiện thành vụ án khác nếu có tranh chấp.

Theo Biên nA ngày 19/10/2007 do ông H cung cấp và lời trình bày của ông H, bà A xác định: Bà A có mượn của ông H 01 cây vàng, giá trị vào thời điểm đó là 14.850.000 đồng. Thỏa thuận lãi suất 7%/tháng, mỗi tháng bà A phải trả tiền lãi cho ông H là 1.039.000 đồng, thời hạn trả nợ 01 năm tức là hết hạn trả nợ ngày 19/10/2008.

Theo Giấy trả nợ hàng tháng do bà A cung cấp thì bà A cho rằng ông H cho bà A trả gốc dần hàng tháng từ ngày 30/7/2009 đến 06/9/2010 với tổng số tiền 13.900.000 đồng. Ông H thừa nA cho bà A trả dần nhưng trả cả tiền gốc và lãi, trong đó tiền gốc 3.266.000 đồng, tiền lãi 10.634.000 đồng (7%/tháng). Căn cứ vào Giấy trả nợ hàng tháng do không ghi nA cụ thể trả nợ gốc hay lãi nên bà A không chứng minh được chỉ trả nợ gốc cho ông H nên chấp nA lời trình bày của ông H là trả nợ gốc và lãi nêu trên. Đối với số tiền 1.200.000 đồng mà bà A cho rằng đã trả cho ông H, do không có biên nA và ông H cũng không thừa nA nên không có cơ sở xem xét. Tại phiên tòa ông H xác định từ ngày vay đến tháng 6/2009 ông H nA tổng tiền lãi 20.780.000 đồng, từ tháng 7/2009 đến tháng 9/2010 nA tiền lãi 1.634.000 đồng. Như vậy từ ngày vay đến tháng 9/2010 bà A trả được cho ông H tiền gốc 3.266.000 đồng và tiền lãi là 10.634.000 đồng + 20.780.000 đồng = 31.414.000 đồng.

Căn cứ vào Biên nA ngày 19/10/2007 có ghi nA 01 cây vàng được quy đổi thành tiền 14.850.000 đồng, không có ghi nA việc quy đổi để tính lãi. Đồng thời ông H thừa nA vào năm 2009 đến năm 2010 ông H cho bà A trả dần gốc, lãi và thực tế bà A trả gốc bằng tiền không phải vàng. Điều nay thể hiện ông H đã chấp nA quy đổi vàng thành tiền 14.850.000 đồng để bà A trả nợ dần. Bà A cho rằng đã trả nợ xong cho ông H vào tháng 9/2010. Do đó để tính bà A còn nợ ông H hay không thì phải căn cứ vào số tiền 14.850.000 đồng vào thời điểm tháng 9/2010.

Ông H cho vay với lãi suất 7%/tháng từ ngày 19/10/2007 đến ngày 06/9/2010 với số tiền nA 31.414.000 đồng là vượt quá lãi suất theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Tiền lãi theo quy định được tính từ ngày 19/10/2007 đến ngày 06/9/2010 như sau:

14.850.000 đồng X 0.75%/tháng (9%/năm) X 02 năm 10 tháng 18 ngày = 3.853.575 đồng.

Số tiền lãi vượt quá quy định là: 31.414.000 đồng – 3.853.575 đồng = 27.560.425 đồng.

Tổng tiền gốc và tiền lãi vượt quá quy định là: 3.266.000 đồng + 27.560.425 đồng = 30.826.425 đồng.

Tại phiên tòa: Ông H yêu cầu bà A trả 10 chỉ vàng 9999 theo giá thời điểm xét xử là 67.050.000 đồng. Ông H đồng ý trừ vào tiền gốc và tiền lãi vượt quá quy định mà bà A đã trả là 67.050.000 đồng - 30.826.425 đồng = 36.223.575 đồng, được làm tròn 36.223.000 đồng. Ông H yêu cầu bà A trả số tiền 36.223.000 đồng.

Tuy nhiên vào thời điểm năm 2010, số tiền gốc và lãi vượt quá quy định ông H đã nA của bà A là 30.826.425 đồng. Số tiền này vượt quá số tiền gốc 14.850.000 đồng. Sau khi cấn trừ số tiền 30.826.425 đồng thì vào năm 2010 bà A không còn nợ tiền gốc của ông H nữa. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có cơ sở chấp nA.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn được miễn án phí, do thuộc trường hợp người cao tuổi (Có đơn xin miễn án phí).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị A về yêu cầu bà A trả số tiền 36.223.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được miễn án phí, do thuộc trường hợp người cao tuổi (Có đơn xin miễn án phí).

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nA:
-Viện kiểm sát ND quận Bình Thủy;
-Chi cục THA DS quận Bình Thủy;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Lê Thị Thùy Hương